

CÔNG TY TNHH QUEEN HÀ LAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUEEN HÀ LAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUEEN HA LAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QUEEN HA LAN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109578656

3. Ngày thành lập: 02/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đường 50, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097 3348689

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Sao chép bản ghi các loại	1820
10.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
11.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
13.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
14.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
18.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
24.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
25.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
26.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
27.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31.	Thu gom rác thải độc hại	3812
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
48.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
49.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
50.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
53.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
54.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
56.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
57.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
59.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
61.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
71.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
74.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
85.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
86.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
87.	Xuất bản phần mềm	5820
88.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
89.	Quảng cáo	7310
90.	Cho thuê xe có động cơ	7710
91.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
92.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
93.	Đại lý du lịch	7911
94.	Điều hành tua du lịch	7912
95.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
96.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
97.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
99.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
100.	Dịch vụ đóng gói	8292
101.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
102.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
103.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
104.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
105.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
106.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
107.	Bán buôn tổng hợp	4690
108.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

109.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
110.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.100.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	Thôn 4 Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	55,000	011723051	
2	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LAN	Thôn 4 Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	45,000	001175017496	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011723051

Ngày cấp: 31/07/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4 Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 4 Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội